

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **45/2021/DS-ST**

Ngày: 21/5/2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Ngọc Trứ

Bà Đặng Thị Tiềm

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Phong Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 333/2020/TLST- DS ngày 30 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST- DS ngày 14 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Ông A, sinh năm 1972;

Bà A1, sinh năm 1982;

HKTT: số 847, C, phường C1, quận C2, thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: số 122/181/14, C3, phường C4 quận C5, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông B, sinh năm 1976;

Bà B1, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: ấp D, xã D1, thị xã D2, tỉnh Tiền Giang.

(ông A, bà A1 có mặt; ông B, bà B1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 22/12/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông A, bà A1 trình bày:

Vào ngày 20/02/2013 ông A, bà A1 có cho vợ chồng bà B1, ông B vay số tiền 400.000.000 đồng, khi vay không thỏa thuận lãi suất. Lúc vay tiền thì vợ chồng ông B, bà B1 có thể chấp cho ông A, bà A1 một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00415 do UBND huyện Cai Lay cấp ngày 11/10/2012 cho hộ ông B theo giấy tạm giữ quyền sử dụng đất. Lúc vay tiền thì hai bên có lập biên bản xác nhận

về việc vay tiền ngày 20/02/2013. Theo thỏa thuận bà B1, ông B cam kết đến hết ngày 20/02/2015 sẽ trả tiền gốc cho ông A, bà A1. Nhưng đến ngày 20/02/2015 thì ông B, bà B1 không trả.

Vào đầu năm 2018 thì ông B, bà B1 có mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho ông A, bà A1 để cập nhật lại thông tin trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông A, bà A1 đã giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B, bà B1.

Nay ông A, bà A1 khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết buộc ông B và bà B1 trả lại số tiền đã vay là 400.000.000 đồng, trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 21/01/2021 bị đơn bà B1 trình bày:

Do cần vốn làm ăn nên vào ngày 20/02/2013 bà và ông B có đến hỏi vay của vợ chồng ông A, bà A1 số tiền 400.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất. Vợ chồng bà có thế chấp một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00415 do UBND huyện Cai Lậy cấp ngày 11/10/2012 cho hộ ông B theo giấy tạm giữ quyền sử dụng đất. Bà và ông B cam kết đến hết ngày 20/02/2015 sẽ trả lại tiền gốc cho ông A, bà A1. Nhưng đến ngày 20/02/2015 do làm ăn thất bại nên bà và ông B không có khả năng trả số tiền đã vay như thỏa thuận. Vào đầu năm 2018 bà và ông B có mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho ông A, bà A1 để cập nhật lại thông tin trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông A, bà A1 đã giao lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà và ông B. Nay ông A, bà A1 khởi kiện yêu cầu bà và ông B trả lại số tiền vốn vay 400.000.000 đồng bà đồng ý trả nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên bà xin trả dần số tiền trên, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 400.000.000 đồng.

* Bị đơn ông B đã được Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông B không có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong các phiên hòa giải, phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn ông B, bà B1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông B, bà B1 là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Tân Hòa, xã Tân Phú, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về nội dung: Ông A, bà A1 yêu cầu ông B, bà B1 trả lại cho ông A, bà A1 số tiền vốn vay là 400.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông A, bà A1 xác định phía ông bà có cho ông B, bà B1 vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay đến hết ngày 20/02/2015 thì trả lại toàn bộ số tiền vốn vay. Phía ông A, bà A1 cũng có cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh là ông A, bà A1 có cho ông B, bà B1 vay tiền cụ thể là bản chính biên bản xác nhận về việc giao tiền đề ngày 20/02/2013 có chữ ký của ông B, bà B1. Nhưng khi đến hạn trả tiền thì ông B, bà B1 không thực hiện việc trả tiền như đã thỏa thuận. Việc bị đơn không thực hiện đúng nội dung đã thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà B cũng thống nhất đối với lời trình bày của ông A và bà A1, hiện bà và ông B còn nợ ông A và bà A1 số tiền vốn vay 400.000.000 đồng, bà đồng ý trả theo như yêu cầu khởi kiện của ông A, bà A1 số tiền vốn vay là 400.000.000 đồng. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Bị đơn ông B dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông B vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gửi cho Tòa án. Cho thấy, phía bị đơn ông B đã biết được số tiền mà phía nguyên đơn đã khởi kiện để yêu cầu phía bị đơn ông B có nghĩa vụ trả, nhưng ông B đã từ bỏ nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh là mình có nợ số tiền như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hay không, điều này cũng đồng nghĩa là phía bị đơn ông B đã thừa nhận số tiền còn nợ mà phía nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu bị đơn ông B phải trả nên ông B không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Việc bị đơn cố tình không đến là nhằm kéo dài thời gian trả nợ và gây khó khăn cho việc thu hồi nợ của nguyên đơn, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Bị đơn ông B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn nên cần buộc phía bị đơn ông B, bà B1 phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông A, bà A1 số tiền 400.000.000 đồng.

[5] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn ông A, bà A1 yêu cầu bị đơn ông B, bà B1 trả 01 lần sau khi án có hiệu lực pháp luật; trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà B1 xin trả dần mỗi tháng trả 2.000.000 đồng, ông B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Do các bên đương sự không thỏa thuận được thời gian trả nợ nên về phương thức trả, thời gian trả số tiền 400.000.000 đồng do các bên thỏa thuận tại giai đoạn thi hành án.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông A, bà A1. Buộc bị đơn ông B, bà B1 có nghĩa vụ trả cho ông A, bà A1 số tiền 400.000.000 đồng.

[7] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, nên ông B, bà B1 liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là $400.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 20.000.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông A, bà A1.

Buộc bị đơn ông B và bà B1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông A, bà A1 số tiền vốn vay 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông B và bà B1 liên đới chịu 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông A và bà A1 số tiền 10.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006699 ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Ông A, bà A1 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông B, bà B1 được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Thoa